

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thắm

2. Ông Nguyễn Văn Trọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 442/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị M, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Tổ 17, ấp B xã T, huyện G, tỉnh TN.

- Bị đơn: Anh Võ Sơn P, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Tổ 6, ấp B1, xã T, huyện G, tỉnh TN.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-6-2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Đỗ Thị M trình bày:

Chị và anh Võ Sơn P chung sống với nhau từ năm 2007, anh chị có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện không ai ép buộc. Anh chị có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Ngày cưới, gia đình hai bên có cho vàng cưới nhưng không còn và chị cũng không yêu cầu giải quyết.

Sau khi cưới, anh chị sống chung với mẹ ruột chị. Năm 2012, anh chị mua 01 phần đất và cất nhà sống chung cho đến nay. Anh chị chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị nghi ngờ anh P có quan hệ với người phụ nữ khác, anh P còn thường xuyên uống rượu đến 10 giờ đêm mới về, không

chăm sóc cho con cái và anh P cũng không công khai thu nhập cho chị biết, tiêu xài hoang phí. Ngoài ra, chị và anh P cũng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên anh chị thường xuyên cãi vã nhau. Ngoài ra thì anh chị không còn mâu thuẫn nào khác. Năm 2016, anh chị sống ly thân nhưng sau đó đoàn tụ được vài tháng thì đến tháng 7-2017 anh chị lại tiếp tục sống ly thân cho đến nay, chị về nhà mẹ ruột ở còn anh P thì ở lại nhà của anh chị. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh P.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Võ Ngọc H, sinh ngày 12-02-2008 và Võ Bảo P1, sinh ngày 16-7-2014. Hiện 02 con chung đang sống chung với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P1, đồng ý giao cháu H cho anh P nuôi dưỡng, chị yêu cầu anh P cấp dưỡng cho cháu P1 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu P1 thành niên có khả năng lao động và tự sinh sống được.

Về tài sản chung: Có 01 phần đất diện tích 485,8 m² tọa lạc tại ấp B1, xã T, huyện G, tỉnh TN, trên đất có 01 căn nhà diện tích ngang 07 m x dài 21 m, hiện anh P đang quản lý. Và 01 phần đất diện tích 399 m² tọa lạc tại ấp T1, xã Đ, huyện T2, tỉnh T, cả hai phần đất đều do anh chị cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết để anh chị tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21-6-2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Võ Sơn P trình bày:

Về hôn nhân chị M trình bày là đúng. Nhưng về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh không đồng ý. Anh nhận thấy vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì. Do chị M không tin tưởng anh về mặt tình cảm nên nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác. Anh thừa nhận có uống rượu nhưng không thường xuyên, hàng ngày anh dạy ở trường từ sáng đến chiều và mỗi buổi sáng anh phải dậy sớm để chăm sóc cho vườn cây mai mà anh đang kinh doanh rồi mới đi làm nên anh không có thời gian để đưa rước con đi học, chị M thì không đi làm nên có nhiều thời gian rảnh để đưa rước và chăm sóc cho con nhiều hơn anh. Hơn nữa anh không tiêu xài hoang phí như chị M trình bày, mỗi tháng anh có gửi chị M 3.000.000 đồng để nuôi con. Anh chị có nhà riêng nhưng mỗi ngày anh đều phải ở nhà một mình, chị M và các con đều ở nhà ngoại, đến tối thì chị M mới về nhà để ngủ. Năm 2016, anh chị sống ly thân nhưng sau đó đoàn tụ, được 02 tháng thì chị M xin về nhà mẹ ruột ngủ rồi ở luôn cho đến nay, anh có kêu chị M về nhưng chị M không chịu về. Anh chị sống ly thân từ tháng 7-2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hàng ngày anh đều đến nhà mẹ vợ để thăm vợ con từ 01 đến 03 lần trừ những ngày anh bận công tác xa. Nay tình cảm của anh đối với chị M vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Vàng cưới không còn nên anh cũng không yêu cầu giải quyết.

Về con chung: Như chị M trình bày là đúng. Nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng giáo dục cả 02 người con chung, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng. Vì hiện nay chị M không có nghề nghiệp và không có thu nhập

nên không đủ điều kiện để nuôi con. Nếu mỗi người nuôi một người con thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng như yêu cầu của chị M.

Về tài sản chung: Như chị M trình bày là đúng. Tại bản tự khai anh yêu cầu chia tài sản chung nhưng tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh không tiếp tục yêu cầu giải quyết, anh chị tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị M và anh Võ Sơn P chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị M yêu cầu ly hôn, nguyên nhân là do chị không tin tưởng anh P về mặt tình cảm, anh P thường xuyên uống rượu, tiêu xài hoang phí, không chăm lo cho con cái. Anh chị sống ly thân từ tháng 7-2017 đến nay. Còn anh P thì thừa nhận có uống rượu nhưng không thường xuyên, do anh bận đi làm và chăm sóc cho vườn cây nên không có nhiều thời gian để chăm sóc cho con cái. Mặt khác, tuy anh chị đã có nhà riêng nhưng chị M thường xuyên ở nhà mẹ ruột đến tối mới về nhà, anh đã nhiều lần yêu cầu chị M về nhưng chị M không đồng ý. Vì anh chị không có phát sinh mâu thuẫn gì nghiêm trọng nên anh yêu cầu được đoàn tụ.

[2] Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị chưa đến mức trầm trọng. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn giữa chị M và anh P là do anh chị thiếu sự tin tưởng, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Anh chị sống ly thân từ tháng 7-2017 đến nay nhưng vẫn thường xuyên gặp nhau, chị M cũng thừa nhận anh P thường xuyên đến thăm con tại nhà mẹ ruột của chị. Tại phiên tòa, anh P hứa khắc phục khuyết điểm và tha thiết xin được đoàn tụ. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị M là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị M đối với anh Võ Sơn P.

2. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu

số 0013500 ngày 06-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG